TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAH'LEO** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2023
"V/v: Kiện ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Xuân Cường

Các hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Bùi Hoàng Sơn và ông Ksơr AfLai

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Năng Quân – Thư ký Toà án nhân dân huyện E.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện E:* Ông Trịnh Văn Hai – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện E, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc "Kiện ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐST–HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị K, sinh năm 1983. Trú tại: Buôn R, xã S, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt

Bị đơn: Anh Y, sinh năm 1980. Trú tại: Buôn R, xã S, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị K trình bày:

Tôi và anh Y chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi anh Y bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa tôi và anh Y không hàn gắn được, đã sống ly thân một thời gian. Hiện tôi không còn tình cảm với anh Y nữa, mong muốn ổn định cuộc sống, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Y.

Về con chung: Chúng tôi có có 04 người con chung là: Ksơr S, sinh ngày 17/02/2002 (Đã trưởng thành); Ksơr H, sinh ngày 17/12/2004 (Đã trưởng thành); Ksơr P, sinh ngày 08/02/2009; Ksơr L, sinh ngày 01/7/2011. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi hai con chung nhỏ, còn hai con lớn đã trưởng thành, không yêu cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tôi có đủ điều kiện nuôi các con chung.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2023 anh Y trình bày:

- Về tình cảm: Tôi không đồng ý ly hôn với chị K, tuy cuộc sống chung giữa tôi và chị K có nhiêu mâu thuẫn, hay cãi nhau, nhưng hiện tại tôi vẫn còn tình cảm với chị K nên mong muốn đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: Chúng tôi có 04 người con chung là: Ksơr S, sinh ngày 17/02/2002 (Đã trưởng thành); Ksơr H, sinh ngày 17/12/2004 (Đã trưởng thành); Ksơr P, sinh ngày 08/02/2009; Ksơr L, sinh ngày 01/7/2011, nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi hai con chung nhỏ, còn hai con lớn đã trưởng thành. Hiện tôi làm nông, có đủ điều kiện nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Y thay đổi ý kiến về việc nuôi con chung: Nếu ly hôn thì anh Y đồng ý để chị K nuôn hai con chung là Ksơr P, sinh ngày 08/02/2009; Ksơr L, sinh ngày 01/7/2011 đến khi các con chung đã trưởng thành.

Tòa án công khai bản tự khai của các con chung Ksơr P và Ksơr L: Hai con chung đều có nguyện vọng được sống với chị K.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thu tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc chị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Y là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị K được ly hôn với anh Y .

- Về con chung: Giao cháu Ksơr P, sinh ngày 08/02/2009; Ksơr L, sinh ngày 01/7/2011 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành. Các con chung Ksơr S, sinh ngày 17/02/2002 và Ksơr H,

sinh ngày 17/12/2004 đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

- Về cấp dưỡng: Hiện tại chị K không yêu cầu, nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Ngoài ra, nguyên đơn chị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị K và anh Y chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện E, tỉnh Đăk Lăk trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn về sống chung với nhau chị K và anh Y sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, hay cãi nhau, hiện chị K và anh Y đang sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Y thừa nhận là hiện giữa anh và chị K đang có mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh Y vẫn mong đoàn tụ. Tuy nhiên cho đến nay mẫu thuẫn giữa hai người vẫn không được cải thiện, chị K vẫn giữa nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Y.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương: Viêc mâu thuẫn giữ chị K và anh Y thì ban tự quản không biết, vì khi xảy ra mâu thuẫn không báo với chính quyền địa phương. Riêng đối với anh Y thì nhận thấy không lo làm ăn, lười lao động.

Từ những phân tích như trên, nhận thấy mâu thuẫn giữa chị K và anh Y đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, không còn yêu thương, quý trọng nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị K là có căn cứ, phù hợp với Điều 51 Luật hôn nhân gia đình, nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị K và anh Y đã có 04 người con chung là: Ksơr S - sinh ngày 17/02/2002 (Đã trưởng thành); Ksơr H - sinh ngày 17/12/2004 (Đã trưởng thành); Ksơr P - sinh ngày 08/02/2009; Ksơr L - sinh ngày 01/7/2011, còn hai con lớn đã trưởng thành. Nếu ly hôn chị K và anh Y đều có nguyện vọng được nuôi các con chung.

Xét điều kiện thức tế cũng như thuận lợi cho các con chung được nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập để cháu có đủ điều kiện phát triển bình thường thì chị K có điều kiện tốt H anh Y. Vì hiện hai cháu Ksơr P; Ksơr L đang con nhỏ, dưới sự chăm sóc của người mẹ sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi H. Quá trình giải quyết vụ án thì cháu Ksơr P; Ksơr L đều có nguyện vọng được sống cùng với chị K và tại phiên tòa anh Y cũng đồng ý để chị K nuôi các con chung. Nên cần giao các cháu Ksơr P; Ksơr L cho chị K nuôi dưỡng đến khi các con chung trưởng thành. Các con chung Ksơr S và Ksơr H đã trưởng thành, nên không xem xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị K.

1. Về hôn nhân: Chị K được ly hôn anh Y.

2. Về con chung: Giao các cháu Ksơr P, sinh ngày 08/02/2009; Ksơr L, sinh ngày 01/7/2011 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Các con chung Ksơr S, sinh ngày 17/02/2002 và Ksơr H, sinh ngày 17/12/2004 đã trưởng thành, nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Anh Y có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

4. Về án phí: Chị K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số AA/2021/0011356 ngày 15/5/2023.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- UBND xã S; (số 346/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Cường